

KẾ HOẠCH

Xuất khẩu sản phẩm hàng hóa tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 15-NQ/ĐH được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 thông qua ngày 24/9/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Nghị quyết số 238/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 35/TTr-SCT ngày 15/03/2021. Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch xuất khẩu sản phẩm hàng hóa tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025 với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xác định mục tiêu và định hướng phát triển xuất khẩu hàng hóa của tỉnh Sơn La đến năm 2025, nhằm khai thác tối đa lợi thế xuất khẩu và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng tăng trưởng xanh, phát triển nhanh, bền vững, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và chủ động hội nhập kinh tế thế giới.

2. Duy trì tốc độ tăng trưởng xuất khẩu ổn định, tập trung đẩy mạnh xuất khẩu trực tiếp các sản phẩm chủ lực, các sản phẩm có lợi thế của tỉnh: Xoài, Nhãn, Cà phê, Chè, sản phẩm nông sản chế biến... Nhằm góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy các ngành sản xuất nông nghiệp (trồng cây công nghiệp, cây ăn quả...), sản xuất chế biến phát triển và mở rộng xuất khẩu các mặt hàng chế biến sâu phù hợp với nhu cầu của thị trường.

3. Phân đầu giá trị hàng hóa tham gia xuất khẩu giai đoạn 2021-2025 đạt 904,5 triệu USD, tăng bình quân hàng năm trong giai đoạn này đạt 12,3%/năm. Trong đó: Giá trị sản phẩm trái cây tham gia xuất khẩu đạt 114 triệu USD; Giá trị sản phẩm nông sản chế biến và nông sản khác tham gia xuất khẩu đạt 728 triệu USD; Giá trị hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tham gia xuất khẩu đạt 62 triệu USD. 

4. Tập trung đẩy mạnh hoạt động sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm chủ lực của tỉnh góp phần phát triển kinh tế xã hội, giải quyết việc làm cho lao động trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, đẩy mạnh công tác chuyển giao công nghệ hiện đại trong sản xuất để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm và đáp ứng nhu cầu xuất khẩu; nâng cao giá trị xuất khẩu các sản phẩm chế biến sâu, tăng số lượng xuất khẩu chính ngạch, giảm dần xuất khẩu tiểu ngạch và tăng giá trị gia tăng sản phẩm chế biến trong chuỗi giá trị hàng nông sản; nâng cao chất lượng sản phẩm xuất khẩu và phát triển thương hiệu.

II. NHIỆM VỤ XUẤT KHẨU TỈNH SƠN LA ĐẾN NĂM 2025

1. Sản phẩm xuất khẩu

1.1. Xuất khẩu nông sản, thực phẩm

1.1.1. Sản phẩm trái cây

Giai đoạn 2021 - 2025, tổng sản phẩm trái cây xuất khẩu phấn đấu đạt trên 140.000 tấn; tổng giá trị sản phẩm trái cây tham gia xuất khẩu dự kiến đạt 114 triệu USD, tốc độ tăng bình quân 10,69%/năm. Số lượng sản phẩm trái cây tham gia xuất khẩu năm 2025 dự kiến đạt 32.900 tấn (tăng 56,14% so với năm 2020). Giá trị tham gia xuất khẩu năm 2025 phấn đấu đạt 26,8 triệu USD (tăng 66,18% so với năm 2020). Một số sản phẩm trái cây chủ yếu:

- Tổng sản phẩm xoài xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2025 phấn đấu đạt trên 42.000 tấn; tổng giá trị sản phẩm xoài tham gia xuất khẩu dự kiến đạt 26,26 triệu USD, tốc độ tăng bình quân 15,23%/năm. Thị trường: Trung Quốc, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ,...

- Tổng sản phẩm nhãn xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2025 phấn đấu đạt trên 41.150 tấn; tổng giá trị sản phẩm nhãn tham gia xuất khẩu dự kiến đạt 54,9 triệu USD, tốc độ tăng bình quân 1,29%/năm. Thị trường: Trung Quốc, Úc, Campuchia, Nhật Bản, Hàn Quốc,...

- Tổng sản phẩm chanh leo xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2025 phấn đấu đạt trên 21.500 tấn; tổng giá trị sản phẩm chanh leo tham gia xuất khẩu dự kiến đạt trên 25 triệu USD, tốc độ tăng bình quân 38,6%/năm. Thị trường: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, các nước EU,...

- Tổng sản phẩm chuối xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2025 phấn đấu đạt trên 32.000 tấn; tổng giá trị sản phẩm chuối tham gia xuất khẩu dự kiến đạt 5,9 triệu USD, tốc độ tăng bình quân 17,39%/năm. Thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản,...

- Tổng sản phẩm mận hậu xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2025 phấn đấu đạt trên 2.700 tấn; tổng giá trị sản phẩm mận hậu tham gia xuất khẩu dự kiến đạt 1,45 triệu USD, tốc độ tăng bình quân 29,75%/năm. Thị trường Trung Quốc, Campuchia,...

- Tổng sản phẩm thanh long xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2025 phấn đấu đạt trên 680 tấn; tổng giá trị sản phẩm thanh long tham gia xuất khẩu dự kiến đạt 0,49 triệu USD, tốc độ tăng bình quân 55,85%/năm. Thị trường Nga, Úc,...

1.1.2. Sản phẩm nông sản chế biến và nông sản khác

Giai đoạn 2021 - 2025, tổng sản phẩm nông sản chế biến và nông sản khác xuất khẩu phần đầu đạt trên 617.000 tấn; tổng giá trị sản phẩm nông sản chế biến và nông sản khác tham gia xuất khẩu dự kiến đạt 728 triệu USD, tốc độ tăng bình quân 12,92%/năm. Giá trị sản phẩm nông sản chế biến và nông sản khác tham gia xuất khẩu năm 2025 phần đầu đạt 161,8 triệu USD (*tăng 84,06% so với năm 2020*). Một số mặt hàng chủ yếu:

- Tổng sản phẩm chè xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2025 phần đầu đạt trên 51.600 tấn; tổng giá trị sản phẩm chè tham gia xuất khẩu dự kiến đạt 121,61 triệu USD, tốc độ tăng bình quân 10,25%/năm. Thị trường Đài Loan, Pakistan, Apganistan, UAE, Nhật Bản,...

- Tổng sản phẩm cà phê xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2025 phần đầu đạt trên 158.500 tấn; tổng giá trị sản phẩm cà phê tham gia xuất khẩu dự kiến đạt 383,4 triệu USD, tốc độ tăng bình quân 12,51%/năm. Thị trường EU, Bắc Mỹ, Hoa Kỳ, UAE, một số nước Trung Đông và Asean,...

- Tổng sản phẩm sắn xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2025 phần đầu đạt trên 303.500 tấn; tổng giá trị sản phẩm sắn tham gia xuất khẩu dự kiến đạt 136,57 triệu USD, tốc độ tăng bình quân 8,3%/năm. Thị trường: Trung Quốc...

- Tổng sản phẩm cao su xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2025 phần đầu đạt trên 11.000 tấn; tổng giá trị sản phẩm cao su tham gia xuất khẩu dự kiến đạt 14,7 triệu USD. Thị trường Đài Loan, Trung Quốc.

1.2. Xuất khẩu sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Giai đoạn 2021 - 2025, tổng giá trị sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tham gia xuất khẩu dự kiến đạt 62 triệu USD, tốc độ tăng bình quân 12,57%/năm. Tổng giá trị hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tham gia xuất khẩu năm 2025 dự kiến đạt 14,1 triệu USD. Các mặt hàng chủ yếu:

- Tổng sản phẩm xi măng xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2025 phần đầu đạt trên 1.200.000 tấn; tổng giá trị sản phẩm xi măng tham gia xuất khẩu dự kiến đạt trên 42 triệu USD, tốc độ tăng bình quân 7,03%/năm. Thị trường xuất khẩu: Lào, Trung Quốc...

- Tổng giá trị sản phẩm điện thương phẩm tham gia xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2025 dự kiến đạt 03 triệu USD, tốc độ tăng bình quân 5,92%/năm. Thị trường xuất khẩu: Lào (qua trạm Lóng Sập).

- Tổng giá trị sản phẩm dệt may tham gia xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2025 dự kiến đạt 5,7 triệu USD, tốc độ tăng bình quân 16,72%/năm. Thị trường xuất khẩu: Ấn Độ, các nước Trung đông.

(Chi tiết có phụ lục 03 kèm theo) 

2. Phát triển thị trường xuất khẩu

Định hướng phát triển thị trường, mặt hàng trọng điểm tại từng thị trường khu vực như sau:

a) Thị trường ASEAN

Tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường: Singapore, Malaysia, Lào, Campuchia, Myanmar. ... Về sản phẩm, tiếp tục đẩy mạnh và duy trì xuất khẩu nhóm hàng nông sản và sản phẩm nông sản chế biến, đặc biệt là các mặt hàng có thế mạnh của tỉnh như: xoài, các loại nước ép hoa quả, mận...; các sản phẩm xi măng, điện...

b) Thị Trường Đông Bắc Á

Tập trung đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc và Nhật Bản. Về mặt hàng, tăng cường xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc và Nhật Bản nhóm hàng dệt may, than sinh học; nông sản chế biến: chè, long nhãn, các loại rau,...

c) Thị trường Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan

Tập trung đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường: Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan; Nhằm giúp giảm dần nhập siêu, giảm xuất khẩu nguyên liệu thô, tăng cường xuất khẩu mặt hàng chế biến có giá trị gia tăng cao. Về mặt hàng, tăng cường xuất khẩu nhóm hàng nông sản, nông sản chế biến: Xoài, Nhãn, Chanh leo, Long nhãn, chè, sắn lát, tinh bột sắn....

d) Thị trường Châu Đại Dương

Thị trường Châu Đại Dương, chủ yếu là thị trường Australia. Về mặt hàng, tăng cường xuất khẩu nhóm hàng nông sản như: Xoài, Nhãn...

đ) Thị trường Châu Âu và Anh

Đẩy mạnh xuất khẩu nhằm duy trì vững chắc và mở rộng thị phần xuất khẩu sang các thị trường Đức, Pháp, Anh và các nước thành viên Liên minh kinh tế Á - Âu. Về sản phẩm, thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng nông sản chế biến có giá trị gia tăng cao nhằm khai thác tốt lợi thế về thuế khi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU, Việt Nam với Anh có hiệu lực.

e) Thị trường Châu Mỹ

Tiếp tục củng cố và mở rộng thị phần xuất khẩu tại thị trường Hoa Kỳ, Canada, thúc đẩy xuất khẩu sang các thị trường các nước lân cận. Về sản phẩm, đối với thị trường Hoa Kỳ, Canada, thúc đẩy xuất khẩu những nhóm mặt hàng có thế mạnh xuất khẩu của tỉnh, đặc biệt nhóm mặt hàng: cà phê, xoài, nhãn; đối với khu vực Mỹ La tinh, thúc đẩy xuất khẩu nhóm hàng nông sản, nông sản chế biến, dệt may.

f) Các thị trường Tây Á, Nam Á

Đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường các Tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất (UAE), Oman, Ả-rập Xê-Út, Ấn Độ, Pa-ki-xtan,... Về sản phẩm, thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng nông sản chế biến như: chè, cà phê, nước ép hoa quả, các sản phẩm hoa quả sấy... 

3. Phát triển dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính tạo thuận lợi tối đa cho các doanh nghiệp tham gia sản xuất, kinh doanh. Đơn giản hóa, minh bạch và công khai thủ tục hành chính. Ban hành và triển khai sâu sát, đồng bộ các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã; có các chính sách khuyến khích việc tăng cường liên kết, hợp tác theo chiều rộng và chiều sâu giữa các doanh nghiệp, cũng như xác lập quan hệ bạn hàng và quan hệ đối tác chiến lược nhằm phát triển xuất khẩu về lâu dài bởi hầu hết doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, vốn ít, kinh nghiệm xuất khẩu chưa nhiều nên cần tăng cường liên kết và hợp tác với nhau. Kiện toàn tổ chức và cơ chế hoạt động của các Hiệp hội ngành hàng để hiệp hội thực sự là cầu nối giữa doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước nhằm tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

- Phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh: Đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, đặc biệt là các tuyến đường bộ kết nối đến cửa khẩu để rút ngắn thời gian, chi phí trong hoạt động vận tải, giao thương hàng hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển vận tải đa phương tiện; Khuyến khích đầu tư kho bãi, các điểm tập kết xe tải, container, xe của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bưu chính; từng bước tích hợp sâu dịch vụ logistics với các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu để tạo thành chuỗi lưu thông hàng hóa linh hoạt, rút ngắn thời gian, chi phí giao nhận nguyên vật liệu và sản phẩm.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử, thông qua đó nâng cao năng lực, đảm bảo khả năng giám sát và truy xuất hàng hóa trong quá trình cung ứng. Đẩy mạnh áp dụng thanh toán trực tuyến, cải cách kiểm tra chuyên ngành hàng hóa xuất, nhập khẩu theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính.

- Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tập trung tại các huyện, thành phố có điều kiện phát triển thuận lợi; Quản lý, duy trì và cấp mới mã vùng trồng; tem, nhãn sản phẩm an toàn, VietGAP, GlobalGAP...;

- Xây dựng mô hình đơn vị thu gom, sơ chế, phân loại, đóng gói, bảo quản tiêu thụ, xuất khẩu; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng các sản phẩm đã và đang xây dựng thương hiệu, đảm bảo có chất lượng tốt, giữ vững và khẳng định danh tiếng trên thị trường; Tiếp tục thu hút, khuyến khích, hỗ trợ các nhà đầu tư, các doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến nông sản; Hỗ trợ mô hình sơ chế, chế biến, đóng gói, bảo quản nông sản để xuất khẩu; Xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu sản phẩm hỗ trợ quảng bá, tuyên truyền sản phẩm tại thị trường nước ngoài có tiềm năng nhập khẩu (xoài, nhãn, cà phê, chè...) 

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH XUẤT KHẨU SẢN PHẨM HÀNG HÓA TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2021- 2025

1. Xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ xuất khẩu

- Xây dựng vùng nguyên liệu đáp ứng nhu cầu thị trường và xuất khẩu. Quản lý chặt chẽ quy trình kỹ thuật chăm sóc, thu hái, bảo quản, sơ chế, chế biến nông sản; tăng cường hoạt động giám sát đối với mã số vùng trồng đã cấp cho các doanh nghiệp, HTX, tiếp tục xây dựng, cấp các mã vùng trồng mới; Quản lý quy trình sản xuất nông nghiệp an toàn (VietGAP, GlobalGAP).

- Đẩy mạnh thực hiện liên kết sản xuất với nhu cầu thị trường, tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng kinh tế với các doanh nghiệp thu gom, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu; hình thành các chuỗi sản xuất nông sản bền vững. Tập trung tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao kỹ thuật thu hái, sơ chế, bảo quản cho lao động các doanh nghiệp, HTX.

2. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu

- Duy trì, củng cố, mở rộng thị trường truyền thống, trong đó tập trung vào thị trường Trung Quốc với các sản phẩm trái cây tươi; mở rộng, phát triển các thị trường tiềm năng, thị trường các nước đã ký kết các hiệp định thương mại tự do với Việt Nam như: Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước khu vực EU,... tập trung cho nhóm các sản phẩm nông sản chế biến.

- Hàng năm, xây dựng Kế hoạch xúc tiến thương mại, Kế hoạch xuất khẩu sản phẩm hàng hóa của tỉnh; tổ chức chuỗi sự kiện quảng bá, xúc tiến tiêu thụ, xuất khẩu.

- Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tin truyền thông, báo chí trung ương và địa phương kịp thời đưa tin, tuyên truyền, quảng bá về các sự kiện xúc tiến tiêu thụ nông sản tỉnh Sơn La.

- Duy trì phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, UBND các tỉnh/thành phố như: Lào Cai, Lạng Sơn, Hải Phòng, Quảng Ninh... cập nhật, cung cấp các thông tin dự báo thị trường để định hướng tổ chức sản xuất, hỗ trợ tiêu thụ, xuất khẩu nông sản.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và PTNT (*Cục Xuất nhập khẩu, Cục Xúc tiến thương mại, Cục Bảo vệ thực vật, Cục Chế biến và phát triển thị trường nông sản; các vụ, đơn vị thuộc Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp & PTNT,...*) khai thác có hiệu quả các thị trường xuất khẩu nông sản: Australia (*Xoài, Nhãn*), Trung Quốc (*Xoài, Mận, Chuối, Thanh long, Nhãn, tinh bột sắn*), Hàn Quốc, Nhật Bản (*Thanh long, Long nhãn, Rau*); Thị trường tiêu thụ xuất khẩu chè, cà phê gồm: Trung Quốc, Đức, Nhật Bản, Đài Loan, Pakistan, Afghanistan...

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, HTX quảng bá, gửi mẫu sản phẩm chào hàng, tham gia các hội chợ, triển lãm thương mại quốc tế trong và ngoài nước. 

- Tham gia các sự kiện xúc tiến thương mại, kết nối giao thương giữa Việt Nam với các nước; Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp xuất khẩu của các tỉnh như: (*Lào Cai, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hải Phòng...*) để xuất khẩu nông sản.

- Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX tham gia các Hội nghị giao thương trực tuyến, diễn đàn giao thương trực tuyến với doanh nghiệp của các nước nhập khẩu; hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ xúc tiến thương mại trực tuyến.

- Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng thương mại điện tử cho các doanh nghiệp, HTX để tăng cường quảng bá, giới thiệu, kết nối tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm một cách nhanh nhất và giảm thiểu các chi phí quảng bá, giới thiệu khác.

- Tổ chức đoàn công tác đi khảo sát thị trường, tìm kiếm đối tác kết nối xuất khẩu các sản phẩm nông sản của tỉnh; Tổ chức, tham gia các hội nghị kết nối cung cầu các sản phẩm nông nghiệp nhằm đẩy mạnh tiêu thụ, xuất khẩu nông sản; hình thành và phát triển chuỗi liên kết tiêu thụ nông sản bền vững.

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu trong nước và nước ngoài, xây dựng chỉ dẫn địa lý những mặt hàng chủ lực; thương hiệu doanh nghiệp và thương hiệu sản phẩm; ứng dụng công nghệ trong sản xuất và đảm bảo tạo ra các sản phẩm có chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường với chi phí sản xuất thấp.

- Xây dựng ấn phẩm, Video - clip phục vụ công tác quảng bá, giới thiệu để kết nối tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; hỗ trợ, tư vấn cho doanh nghiệp, HTX thiết kế mẫu mã, bao bì sản phẩm đáp ứng các quy định nhập khẩu tại thị trường nước ngoài.

3. Nâng cao năng lực đơn vị thu gom và dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu

- UBND các huyện, thành phố trực tiếp chỉ đạo các đơn vị chuyên môn tổ chức tập huấn, hướng dẫn các doanh nghiệp, HTX sản xuất, đơn vị thu gom ký kết và thực hiện biên bản ghi nhớ, hợp đồng kinh tế với các đơn vị xuất khẩu; triển khai đồng bộ từ khâu chăm sóc đến khâu thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản, tiêu thụ và xuất khẩu.

- Xây dựng mô hình, hình thành và phát triển các đơn vị thu gom có đủ năng lực (*kho lạnh, cơ sở sơ chế, phân loại, đóng gói, bao bì, phương tiện vận chuyển chuyên dụng*) bao tiêu và ký kết với đơn vị chế biến, xuất khẩu; Xây dựng cơ sở đóng gói đáp ứng tiêu chuẩn của nước nhập khẩu.

- Tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức, năng lực quản trị kinh doanh, hội nhập kinh tế quốc tế (*nghiên cứu, tiếp cận thị trường; các quy định thương mại quốc tế; phát triển thương hiệu sản phẩm Sơn La; kiến thức về thực thi quyền sở hữu trí tuệ, các tiêu chuẩn chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm đối với hàng hoá xuất khẩu; kỹ thuật sơ chế, bảo quản, đóng gói, thiết kế nhãn mác, bao bì sản phẩm...*) cho các doanh nghiệp, HTX, người lao động sản xuất, thu gom, sơ chế, chế biến hàng hóa xuất khẩu.

- Tăng cường sử dụng các dịch vụ hỗ trợ sản xuất và kinh doanh như dịch vụ tư vấn, dịch vụ nghiên cứu và thăm dò thị trường, dịch vụ pháp lý... để nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính chuyên nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

4. Thu hút đầu tư cơ sở sơ chế, chế biến, xuất khẩu

Tạo môi trường đầu tư hấp dẫn để thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế, thu hút các doanh nghiệp đầu tư các nhà máy chế biến, bảo quản để kéo dài thời gian bảo quản, kéo dài thời gian tham gia xuất khẩu, nâng cao giá trị của sản phẩm tham gia xuất khẩu; thu hút đầu tư phát triển dịch vụ logistics hỗ trợ xuất khẩu; Ưu tiên thu hút đầu tư vào các khu vực đã có kết cấu hạ tầng sử dụng chung (*như tại các khu, cụm công nghiệp*) nhằm tuân thủ đúng quy hoạch đã được phê duyệt, phát huy và sử dụng hiệu quả kết cấu hạ tầng đã được đầu tư.

5. Nâng cao hiệu quả công tác phân tích, dự báo thị trường

- Nâng cao hiệu quả công tác Tổ nghiên cứu, phân tích và dự báo thị trường thuộc Ban Chỉ đạo xuất khẩu 598 của tỉnh, chủ động nắm bắt thông tin thị trường, giá cả phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh tiêu thụ và xuất khẩu.

- Chủ động cập nhật các thông tin, quy định của Nhà nước, Bộ ngành trung ương và các nước nhập khẩu sản phẩm hàng hóa của tỉnh Sơn La nhằm định hướng sản xuất, sản phẩm sản xuất ra đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

6. Thực hiện cơ chế, chính sách

- Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, hỗ trợ cung cấp thông tin, công khai các chính sách, kế hoạch, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực có liên quan, cải thiện môi trường pháp lý, hệ thống tín dụng; đơn giản hóa và rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục trong việc giải tỏa, đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, thủ tục về đăng ký thuế và kê khai thuế.

- Hỗ trợ các ngành xuất khẩu thu hút nhiều lao động: Dệt may, da giày, nông sản; giải quyết hài hòa giữa tăng trưởng xuất khẩu và bảo vệ môi trường: Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các quy trình và công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường; thúc đẩy phát triển công nghệ, nhất là công nghệ thân thiện với môi trường; khuyến khích áp dụng quy trình sản xuất thân thiện với môi trường;...

- Thực hiện Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Triển khai có hiệu quả, lồng ghép các chính sách hiện hành của Nhà nước, đảm bảo nguồn kinh phí, chỉ đạo giải ngân kịp thời, đúng đối tượng, phát huy hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu nông sản trên địa bàn tỉnh.

7. Kinh phí thực hiện

- Nguồn ngân sách: Hàng năm, căn cứ vào nội dung kế hoạch và các nhiệm vụ cụ thể của các sở ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Nguồn xã hội hóa từ các doanh nghiệp, HTX và các nguồn huy động hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp báo cáo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

- Chủ trì, phối hợp với các thành viên Tổ công tác nghiên cứu, phân tích và dự báo thị trường cập nhật thông tin thị trường, giá cả phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh tiêu thụ và xuất khẩu.

- Chủ trì, phối hợp tham mưu với UBND tỉnh chỉ đạo hoạt động tham gia các hội nghị, hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm nông nghiệp tại các thành phố lớn trong nước và quốc tế; kết nối các doanh nghiệp trong và ngoài nước thông qua các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản.

- Chủ trì và đẩy mạnh việc ứng dụng khai thác sử dụng và phát triển hệ thống thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì tham mưu triển khai thực hiện Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp HTX tham gia các Hội nghị giao thương trực tuyến, diễn đàn giao thương trực tuyến với doanh nghiệp của các nước nhập khẩu; Tổ chức Hội nghị tập huấn nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ xúc tiến thương mại trực tuyến cho các doanh nghiệp, HTX.

- Tiếp tục phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương, sở Công Thương các tỉnh/thành phố như: Hà Nội, Lào Cai, Lạng Sơn, Hải Phòng, Quảng Ninh,... cung cấp thông tin về thị trường; các quy định, tiêu chuẩn xuất khẩu.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp & PTNT (*Cục Bảo vệ thực vật, Cục Chế biến và phát triển thị trường nông sản*) cung cấp các thông tin cho về quy trình sản xuất, cấp mã số vùng trồng, mã cơ sở đóng gói, truy suất nguồn gốc,... để bảo đảm đủ các điều kiện tham gia xuất khẩu.

- Tập trung chỉ đạo các huyện, thành phố, các doanh nghiệp, HTX áp dụng các quy trình sản xuất an toàn, đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm xuất khẩu.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tiếp tục rà soát các sản phẩm nông sản có lợi thế phát triển của tỉnh, hình thành các vùng sản xuất tập trung có quy mô đủ lớn, đẩy mạnh xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; từng bước nâng cao chuỗi giá trị cho các loại cây ăn quả chủ lực, phù hợp với nhu cầu thị trường. Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tập trung tại các huyện, thành phố có điều kiện phát triển thuận lợi; thực hiện các giải pháp hiệu quả nhằm quản lý, giám sát đối với mã số vùng trồng đã cấp cho các doanh nghiệp, HTX; hỗ trợ xây dựng, cấp các mã vùng trồng mới.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan nâng cao chất lượng sản phẩm theo hướng sản xuất nông nghiệp hữu cơ (theo Nghị định 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ) để có nhiều sản phẩm nông sản sạch, chất lượng, hương vị phù hợp với từng thị trường, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy định ngày càng cao tại các nước nhập khẩu. Tiếp tục đánh giá và thực hiện chủ trương đặt hàng, nghiên cứu các đề tài, dự án về phát triển nông nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan nâng cao sức cạnh tranh, hạ giá thành sản phẩm theo hướng tăng năng suất, chất lượng.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tập trung thực hiện nhiệm vụ: Thực hiện chủ trương tạo điều kiện cho các doanh nghiệp ký hợp đồng với hợp tác xã trồng loại cây theo hợp đồng tiêu thụ sản phẩm; bổ sung một số chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp liên kết với các hợp tác xã thực hiện nhiệm vụ chế biến, xuất khẩu nông sản; Xây dựng mỗi huyện, mỗi loại sản phẩm nông sản đều có một doanh nghiệp, hợp tác xã đóng vai trò đơn vị thu gom chuyên nghiệp (có đủ năng lực về tài chính, phương tiện, quản trị kinh doanh, thông tin thị trường, có đối tác tiêu thụ, xuất khẩu) thực hiện kế hoạch xuất khẩu nông sản của Tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tiếp tục nâng cao những kết quả đã đạt được gồm: Tiếp tục triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (sản phẩm OCOP của tỉnh); Tăng cường quản lý, chỉ đạo thực hiện quy trình sản xuất an toàn (VietGAP, GlobalGAP); Phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy nhanh tiến độ cấp mã vùng trồng và diện tích sản xuất đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn và xuất khẩu; đẩy nhanh tăng số lượng các sản phẩm được gắn tem truy xuất nguồn gốc, nhất là gắn tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm tại các nước đã xuất khẩu sản phẩm.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, cân đối, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ xuất khẩu, khu quy hoạch sản xuất, xuất khẩu; phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh bổ sung các chính sách khuyến khích, hỗ trợ xuất khẩu cho doanh nghiệp, đồng thời triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ của các bộ, ngành Trung ương.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố hướng dẫn các nhà đầu tư về thủ tục đầu tư dự án nhà máy chế biến nông sản tại tỉnh. Tiếp tục thu hút, khuyến khích, hỗ trợ các nhà đầu tư, các tập đoàn lớn đến đầu tư nhà máy chế biến nông sản; đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng thương mại, các cơ sở thu gom, chợ đầu mối, cơ sở sơ chế, bảo quản các sản phẩm nông sản. 

- Chỉ đạo Trung tâm xúc tiến đầu tư phối hợp với các phòng, đơn vị thuộc Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, các đơn vị đầy mạnh các hoạt động quảng bá xúc tiến tiêu thụ và xuất khẩu nông sản.

4. Giao Sở Tài Chính

- Căn cứ khả năng ngân sách địa phương, Sở Tài chính tham mưu trình HĐND tỉnh, UBND tỉnh cân đối, bố trí trong dự toán Sự nghiệp kinh tế hàng năm giao cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ xuất khẩu.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn các huyện, thành phố thực hiện Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Hướng dẫn các sở, ngành và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí triển khai các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch xuất khẩu, đảm bảo chủ động, hiệu quả, tiết kiệm, đúng quy định của pháp luật.

5. Giao Sở Khoa học và Công Nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng: Các đề tài nghiên cứu, áp dụng công nghệ tiên tiến trong bảo quản, chế biến các mặt hàng nông sản xuất khẩu; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất - xuất khẩu trong việc đổi mới công nghệ, thiết bị, xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng phù hợp.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tập trung cao cho việc xây dựng nhãn hiệu cho các sản phẩm chủ lực, đặc trưng của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thành phố tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng các sản phẩm đã và đang xây dựng thương hiệu, đảm bảo có chất lượng tốt, giữ vững và khẳng định thương hiệu sản phẩm Sơn La trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, HTX đầu tư, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn của nước nhập khẩu, hướng dẫn triển khai áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

6. Giao Công an tỉnh

Phối hợp, hướng dẫn các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện quản lý nhà nước về xuất, nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài đến khảo sát, thu mua tiêu thụ nông sản của tỉnh; đầu tư xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; quản lý, hướng dẫn đảm bảo các thủ tục liên quan để triển khai các hoạt động quảng bá, giới thiệu, xuất khẩu sản phẩm hàng hóa tại thị trường nước ngoài.

7. Giao Sở Ngoại Vụ

- Thực hiện công tác đối ngoại đối với các tổ chức, cá nhân là người nước ngoài đến khảo sát, đầu tư cơ sở chế biến, tiêu thụ nông sản của tỉnh; đảm bảo các thủ tục cần thiết để triển khai các hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm hàng hóa nông sản tại thị trường nước ngoài.

- Chủ trì, phối hợp với các Cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại nước ngoài, các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam, các tổ chức quốc tế tăng cường thông tin thị trường, tìm kiếm cơ hội mở rộng thị trường, tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá, kết nối thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm hàng hóa của tỉnh Sơn La.

8. Giao Báo Sơn La, Đài PTTH tỉnh

Xây dựng các phóng sự, tin bài để quảng bá, giới thiệu các sản phẩm hàng hóa nông sản của Sơn La tham gia xuất khẩu; Xây dựng các phóng sự, tin bài để phổ biến về khoa học kỹ thuật, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng nông sản an toàn VietGAP, GlobalGAP theo quy định của các nước có nhu cầu nhập khẩu.

9. Giao Liên minh hợp tác xã tỉnh Sơn La

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tham mưu với UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đẩy mạnh tập huấn, học tập mô hình để nâng cao chất lượng hoạt động; tiếp tục thành lập mới các hợp tác xã, nhất là các hợp tác xã trồng cây ăn quả theo hướng có sản phẩm đảm bảo yêu cầu xuất khẩu, cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến nông sản, các doanh nghiệp thu gom, sơ chế, bảo quản, tiêu thụ, xuất khẩu nông sản.

10. Giao các Sở, ngành đơn vị liên quan

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ phối hợp với Sở Công Thương và các Sở, ngành chủ động triển khai thực hiện kế hoạch xuất khẩu hàng hóa tỉnh Sơn La giai đoạn 2021- 2025

11. Đề nghị Ban Thường vụ Huyện ủy, Thành ủy

- Ban hành thông báo kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy, thành ủy về công tác lãnh đạo, chỉ đạo về công tác xuất khẩu.

- Chỉ đạo tiếp tục duy trì Tổ công tác của Ban chỉ đạo tiêu thụ và xuất khẩu của huyện để kịp thời tham mưu giúp việc cho Ban Thường vụ chỉ đạo, điều hành và triển khai các nhiệm vụ xuất khẩu tiêu thụ nông sản trên địa bàn huyện, thành phố.

12. Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Chủ động phối hợp với các Sở, ngành kịp thời hỗ trợ giải quyết, tháo gỡ các khó khăn cho các doanh nghiệp để đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến, cơ sở sơ chế, bảo quản các sản phẩm nông sản để phục vụ xuất khẩu.

- Chủ động tìm kiếm, kết nối với các doanh nghiệp để hỗ trợ xuất khẩu; lựa chọn, hỗ trợ, gây dựng các đơn vị doanh nghiệp thu gom đảm bảo tiêu chuẩn để phục vụ xuất khẩu.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp, Hợp tác xã trên địa bàn áp dụng quy trình sản xuất an toàn đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu; hỗ trợ xây dựng cấp mã vùng trồng, mã cơ sở đóng gói để đủ điều kiện xuất khẩu.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm hàng hóa nông sản của tỉnh; quản lý và quy trì mã vùng trồng, thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng để phục vụ xuất khẩu.

- Xây dựng kế hoạch xuất khẩu các sản phẩm hàng hóa của huyện giai đoạn 2021- 2025.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương hỗ trợ các doanh nghiệp, Hợp tác xã tham gia các sự kiện quảng bá, xúc tiến thương mại kết nối tiêu thụ nông sản, đặc biệt đối với các sự kiện xúc tiến thương mại tại nước ngoài.

- Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin báo cáo của Ban chỉ đạo tiêu thụ và xuất khẩu nông sản của huyện theo quy định.

Trên đây là kế hoạch xuất khẩu hàng hóa tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025, yêu cầu các Sở, ngành, các huyện, thành phố chủ động triển khai thực hiện kế hoạch./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (b/c);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c)
- UBNDTTQVN tỉnh (phối hợp);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh;
- Tỉnh đoàn Sơn La;
- Cục Quản lý thị trường tỉnh;
- Báo Sơn La, Đài PTTH Sơn La;
- UBND các huyện, thành phố;
- Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh;
- Hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh;
- Công thông tin điện tử;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, *Biên KT.* 10 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Minh

Phụ lục 01
PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU NÔNG SẢN TỈNH SƠN LA
GIAI ĐOẠN 2021-2025

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 91/KH-UBND ngày 30/03/2021
của UBND tỉnh Sơn La)*

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	GIAI ĐOẠN 2021-2025				
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
I	CÂY CÔNG NGHIỆP						
1	Cà Phê						
-	Diện tích	Ha	17.420	17.380	17.360	17.000	17.000
-	Sản lượng quả tươi	Tấn	186.756	200.000	200.000	206.250	210.000
-	Sản lượng cà phê nhân	Tấn	29.881	32.000	32.000	33.000	33.600
2	Chè						
-	Diện tích	Ha	5.890	6.090	6.300	6.500	7.010
-	Sản lượng chè búp tươi	Tấn	53.064	55.120	58.575	61.944	67.410
3	Sắn						
-	Diện tích	Ha	41.110	41.790	41.960	42.130	42.430
-	Sản lượng	Tấn	493.320	501.480	503.520	505.560	509.160
4	Mía						
-	Diện tích	Ha	8.433	7680	7690	7740	8.000
-	Sản lượng	Ha	506.880	507.540	507.540	510.840	528.000
II	RAU, QUẢ						
1	Nhãn						
-	Diện tích	Ha	19.210	19.810	20.410	20.960	21.410
-	Sản lượng	Tấn	98.950	100.880	103.450	106.120	108.720
2	Xoài						
-	Diện tích	Ha	18.570	19.220	19.900	20.590	21.170
-	Sản lượng	Tấn	56.370	62.010	67.870	73.400	78.310
3	Chuối						
-	Diện tích	Ha	5.500	5.880	6.210	6.530	6.920
-	Sản lượng	Tấn	54.750	58.040	62.180	65.050	68.310
4	Chanh leo						

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	GIAI ĐOẠN 2021-2025				
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
-	Diện tích	Ha	3.150	3.820	3.990	4.070	4.260
-	Sản lượng	Tấn	28.190	34.590	36.390	38.110	38.740
5	Mận, mơ						
-	Diện tích	Ha	12.230	12.560	12.780	13.100	13.350
-	Sản lượng	Tấn	61.849	66.100	67.940	69.740	70.480
6	Cây có múi						
-	Diện tích	Ha	4.570	4.770	4.910	5.040	5.220
-	Sản lượng	Tấn	16.170	19.170	21.140	21.890	22.560
7	Sơn Tra						
-	Diện tích	Ha	12.840	13.240	13.240	13.470	13.710
-	Sản lượng	Tấn	33.310	34.460	35.170	35.900	36.600
8	Dứa						
-	Diện tích	Ha	4.060	6.380	7.740	8.830	10.110
-	Sản lượng	Tấn	56.490	93.540	108.460	118.970	131.070
9	Rau các loại						
-	Diện tích	Ha	13.250	14.950	16.600	18.200	20.000
-	Sản lượng	Tấn	155.350	166.575	175.350	184.490	184.490
III	DƯỢC LIỆU						
-	Diện tích	Ha	1.970	2.600	3.330	3.380	5.020
-	Sản lượng	Tấn	4.910	5.590	6.290	7.160	7.820

Phụ lục 02
GIÁ TRỊ HÀNG NÔNG SẢN CHẾ BIẾN THAM GIA XUẤT KHẨU
GIAI ĐOẠN 2021-2025

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 91/KH-UBND ngày 30/03/2021
của UBND tỉnh Sơn La)*

Đơn vị: nghìn USD

TT	Sản phẩm	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	Tổng	136.708	140.219	148.200	158.130	166.627
1	Xoài đã qua chế biến	860	1.290	1.720	2.145	2.570
2	Nhãn đã qua chế biến	7.360	7.890	8.420	11.100	9.470
3	Chanh leo đã qua chế biến	1.968	2.214	2.460	1.230	2.952
4	Chè đã qua chế biến	22.400	23.145	24.970	26.590	28.230
5	Cà phê đã qua chế biến	70.110	70.000	72.000	74.950	78.655
6	Tinh bột sắn đã qua chế biến	27.000	27.160	26.850	27.675	27.900
7	Đường đã qua chế biến	7.000	7.000	8.000	8.400	9.300
8	Dứa đã qua chế biến		750	2.250	3.000	3.750
9	Ngô ngọt đã qua chế biến		750	1.500	3.000	3.750
10	Rau, củ đã qua chế biến	10	20	30	40	50



Phụ lục 03
MỘT SỐ SẢN PHẨM HÀNG HÓA THAM GIA XUẤT KHẨU CỦA TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 91 /KH-UBND ngày 30 /03 /2021 của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Sản phẩm	Kế hoạch 2021		Kế hoạch 2022		Kế hoạch 2023		Kế hoạch 2024		Kế hoạch 2025		Tổng giá trị tham gia xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2025 (Nghìn USD)
		Lượng (Tấn)	Giá trị tham gia xuất khẩu (Nghìn USD)	Lượng (Tấn)	Giá trị tham gia xuất khẩu (Nghìn USD)	Lượng (Tấn)	Giá trị tham gia xuất khẩu (Nghìn USD)	Lượng (Tấn)	Giá trị tham gia xuất khẩu (Nghìn USD)	Lượng (Tấn)	Giá trị tham gia xuất khẩu (Nghìn USD)	
	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng A + B		160.000		170.000		180.000		191.800		202.725	904.525
A	Mặt hàng nông sản		150.000		158.100		167.400		178.400		188.625	842.525
I	Sản phẩm trái cây		17.650		20.875		23.765		25.015		26.825	114.130
1	Xoài	7.800	3.400	8.000	4.000	8.200	5.800	8.500	6.160	9.500	6.900	26.260
2	Nhãn	7.500	10.600	7.950	10.700	8.200	11.000	8.500	11.200	9.000	11.400	54.900
3	Chanh leo	2.500	2.810	4.000	4.680	4.500	5.265	5.000	5.850	5.500	6.435	25.040
4	Chuối	4.000	700	6.540	1.210	6.700	1.350	7.000	1.290	7.800	1.440	5.990
5	Mận hậu	200	100	400	200	500	250	700	400	900	500	1.450
6	Thanh long	50	40	120	85	140	100	160	115	210	150	490
II	Sản phẩm chế biến và nông sản khác		132.350		137.225		143.635		153.385		161.800	728.395
7	Sản phẩm chè	9.500	22.500	9.600	22.865	10.000	23.220	11.000	26.030	11.500	27.000	121.615
8	Cà phê	29.000	70.400	30.000	72.800	31.500	76.000	33.000	79.500	35.000	84.700	383.400
9	Sản phẩm sắn	60.000	27.000	60.000	27.000	60.000	27.000	61.500	27.675	62.000	27.900	136.575

TT	Sản phẩm	Kế hoạch 2021			Kế hoạch 2022			Kế hoạch 2023			Kế hoạch 2024			Kế hoạch 2025		Tổng giá trị tham gia xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2025 (Nghìn USD)								
		Lượng (Tấn)	Giá trị tham gia xuất khẩu (Nghìn USD)	Lượng (Tấn)	Giá trị tham gia xuất khẩu (Nghìn USD)	Lượng (Tấn)	Giá trị tham gia xuất khẩu (Nghìn USD)	Lượng (Tấn)	Giá trị tham gia xuất khẩu (Nghìn USD)	Lượng (Tấn)	Giá trị tham gia xuất khẩu (Nghìn USD)	Lượng (Tấn)	Giá trị tham gia xuất khẩu (Nghìn USD)											
		1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12
10	Đường mía	15.000	7.000	16.000	7.500	17.000	8.000	18.000	8.400	19.000	8.900	39.800												
11	Rau các loại	1.100	1.200	1.110	1.210	1.110	1.210	1.119	1.220	1.128	1.230	6.070												
12	Hạt giống Takii		300		400		500		500		500	2.200												
13	Ngô giống	50	70	50	70	50	70	50	70	50	70	350												
14	Tơ tằm	13	660	13,1	660	13,2	665	13,3	670	13,5	680	3.335												
15	Lưỡi ngò ép, than sinh học	290	300	290	300	290	300	290	300	290	300	1.500												
16	Cao su	2.000	2.900	2.000	2.900	2.000	2.900	2.500	3.000	2.500	3.000	14.700												
17	Sản phẩm Mãng	10	20	10	20	10	20	10	20	10	20	100												
18	Sản phẩm dưa				750		2.250		3.000		3.750	9.750												
19	Sản phẩm ngô ngọt				750		1.500		3.000		3.750	9.000												
B	Mặt hàng phi nông sản		10.000		11.900		12.600		13.400		14.100	62.000												
1	Xi măng	220.000	7.800	230.000	8.200	240.000	8.400	250.000	8.650	260.000	8.990	42.040												
2	Điện thương phẩm (T.Kwh)		600		600		600		600		600	3.000												
3	Dệt may		900		1.100		1.200		1.200		1.300	5.700												
4	Sản phẩm khác		700		2.000		2.400		2.950		3.210	11.260												